

PHẦN II (CẤP TỈNH)
NỘI DUNG CỤ THỂ TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ
LĨNH VỰC VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND-HC ngày tháng năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

A. VĂN HÓA

I. VĂN HÓA CƠ SỞ

*** TTHC NỘI BỘ MỚI BAN HÀNH**

1. Xét tặng danh hiệu xã, phường, thị trấn tiêu biểu

1.1. Trình tự thực hiện:

- Thực hiện theo Điều 3 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 24/2024/QĐ-UBND ngày 10/10/2024 của Ủy ban nhân dân Tỉnh, cụ thể như sau:

+ Bước 1: Ủy ban nhân dân (UBND) cấp xã gửi báo cáo thành tích đề nghị xét tặng danh hiệu “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu” đến UBND cấp huyện.

+ Bước 2: UBND cấp huyện tổ chức họp Hội đồng thi đua - khen thưởng cùng cấp để đánh giá, quyết định danh sách xã, phường, thị trấn đủ điều kiện đề nghị xét tặng danh hiệu “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu”; công khai trên trang thông tin điện tử của đơn vị hoặc các hình thức khác (nếu có) để lấy ý kiến người dân trong thời hạn 10 ngày.

+ Bước 3: UBND cấp huyện lập hồ sơ theo quy định trình Chủ tịch UBND Tỉnh quyết định công nhận danh hiệu “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu”. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp Tỉnh quyết định tặng danh hiệu và bằng chứng nhận “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu”.

- Việc xét tặng các danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Khóm, ấp văn hóa”, “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu” được thực hiện hàng năm và hoàn thành việc bình xét trước ngày 25/11.

1.2. Cách thức thực hiện: Không quy định.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ: Thực hiện theo Điều 3 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 24/2024/QĐ-UBND ngày 10/10/2024 của UBND Tỉnh, cụ thể kèm theo các biểu mẫu tại Phụ lục I:

(1) Tờ trình đề nghị xét tặng danh hiệu “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu” (Mẫu số 07 ban hành kèm theo Nghị định số 86/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ).

(2) Báo cáo thành tích đề nghị xét tặng danh hiệu “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu” (Mẫu số 08 ban hành kèm theo Nghị định số 86/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ).

(3) Biên bản họp bình xét danh hiệu “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu” (Mẫu số 09 ban hành kèm theo Nghị định số 86/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

1.4. Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

1.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Xã, phường, thị trấn.

1.6. Cơ quan thực hiện TTHC: UBND cấp tỉnh.

1.7. Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định tặng danh hiệu “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu” của Chủ tịch UBND cấp tỉnh.

1.8. Phí, lệ phí: Không.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Tờ trình đề nghị xét tặng danh hiệu “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu” (Mẫu số 07, 08 và 09 ban hành kèm theo Nghị định số 86/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ).

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

*** Không xét tặng danh hiệu Xã, phường, thị trấn tiêu biểu” đối với các trường hợp sau:**

Xã, phường, thị trấn vi phạm một trong các trường hợp:

- Để xảy ra tụ điểm phức tạp về hình sự, ma túy, tệ nạn xã hội; tỷ lệ tội phạm, tệ nạn xã hội và tai nạn giao thông, cháy, nổ không được kiểm chế, tăng so với năm trước, gây hậu quả nghiêm trọng.

- Để công dân cư trú trên địa bàn lợi dụng quyền khiếu nại, tố cáo để tập trung đông người gây rối an ninh, trật tự, biểu tình, tuần hành, khiếu kiện vượt cấp.

- Để xảy ra hoạt động chống Đảng, chống chính quyền, phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc.

1.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Thi đua, khen thưởng; Nghị định số 86/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ quy định khung tiêu chuẩn và trình tự, thủ tục, hồ sơ xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn, tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu”.

- Quyết định số 24/2024/QĐ-UBND ngày 10/10/2024 của UBND tỉnh Đồng Tháp ban hành Quy định tiêu chuẩn, hướng dẫn đánh giá, bình xét các danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Khóm, ấp văn hóa”, “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu” trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Mẫu số 07

UBND XÃ/PHƯỜNG/THỊ TRẤN
...(4)...CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

.....(1)....., ngày.... tháng ... năm ...

TỜ TRÌNH**Về việc đề nghị xét tặng danh hiệu
“Xã, phường, thị trấn tiêu biểu” năm(2)....**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố...(5)...

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 15 tháng 6 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số ... /2023/NĐ-CP ngày ... tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định về khung tiêu chuẩn và trình tự, thủ tục, hồ sơ xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn, tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu”;

Căn cứ Quyết định số /QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm 20... của Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố ...(5)... quy định chi tiết tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn, tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu” trên địa bàn tỉnh/thành phố...(5).....;

Xét thành tích của xã/phường/thị trấn(3) và Biên bản họp bình xét danh hiệu “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu” năm ...(2).. ngày ... tháng ... năm ... của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng quận/huyện/thị xã/thành phố....(4)... thuộc tỉnh/thành phố...(5)....,

Kính đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố ...(5)... xét tặng danh hiệu “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu” năm ... (2) cho các đơn vị có tên sau:

STT	Tên xã/phường/thị trấn	Thành tích

(Kèm theo Tờ trình: Biên bản họp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của đơn vị trình khen; báo cáo thành tích).

Nơi nhận:

- UBND...;
- Ban TĐKT ...;
- Lưu: VT, ...(..).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN/HUYỆN

...(4)...

CHỦ TỊCH

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Địa danh nơi đơn vị trình khen đóng trụ sở chính.
- (2) Năm đề nghị tặng danh hiệu “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu”.
- (3) Tên xã/phường/thị trấn.
- (4) Tên quận/huyện/thị xã/thành phố trực thuộc tỉnh/thành phố.
- (5) Tên tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương.

UBND XÃ/PHƯỜNG/THỊ TRẤN
...(4)...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /BC-UBND

.....(1)....., ngày.... tháng ... năm ...

BÁO CÁO THÀNH TÍCH

đề nghị xét tặng danh hiệu “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu” năm ...(2)...

Kính gửi: Ủy ban nhân dân quận/huyện/thị xã/thành phố ...(4)...

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 15 tháng 6 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số ... /2023/NĐ-CP ngày ... tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định về khung tiêu chuẩn và trình tự, thủ tục, hồ sơ xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn, tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu”;

Căn cứ Quyết định số /QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm 20... của Ủy ban nhân dân tỉnh ...(5)... quy định chi tiết tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn, tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu” trên địa bàn tỉnh/thành phố....(5).....;

Xã/Phường/Thị trấn(3).... báo cáo những thành tích đã đạt được trong năm ...(2)...., cụ thể như sau:

I. SƠ LƯỢC ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH

Nêu rõ đặc điểm, tình hình, thuận lợi, khó khăn của xã/phường/thị trấn ...(3)... đề nghị xét tặng danh hiệu “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu” năm ...(2) ...

II. THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC

Nêu rõ những thành tích xã/phường/thị trấn ...(3)... đạt được trong năm ...(2)... theo các tiêu chuẩn của danh hiệu “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu”.

Nơi nhận:

- UBND...;
- HĐ TĐKT ...;
- Lưu: VT, ...

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ/PHƯỜNG/THỊ TRẤN
(4)...

CHỦ TỊCH

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Địa danh nơi đơn vị trình khen đóng trụ sở chính.
- (2) Năm đề nghị tặng danh hiệu “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu”.
- (3) Tên xã/phường/thị trấn.
- (4) Tên quận/huyện/thị xã/thành phố trực thuộc tỉnh/thành phố.
- (5) Tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....(1)...., ngày tháng năm

BIÊN BẢN HỌP

**Hội đồng Thi đua quận/huyện/thị xã/thành phố
bình xét danh hiệu “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu” năm ...(2)....**

Thời gian: giờ phút, ngày tháng năm

Địa điểm:(5)

Hội đồng Thi đua, khen thưởng quận/huyện/thị xã/thành phố(3).... tiến hành họp bình xét danh hiệu “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu” năm ...(2)....

Chủ trì cuộc họp:

Thư ký cuộc họp:

Các thành viên tham dự (vắng.....), gồm:

1. Chức vụ:.....

2. Chức vụ:.....

Sau khi nghe Chủ tịch Hội đồng Thi đua, khen thưởng quận/huyện/thị xã(3)... phổ biến tiêu chuẩn, điều kiện và tóm tắt thành tích của các xã, phường, thị trấn đủ điều kiện xét tặng danh hiệu “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu” năm ...(2)....; các thành viên tham dự họp thảo luận, biểu quyết (hoặc bỏ phiếu kín). Thông báo kết quả đăng tải công khai trên trang thông tin điện tử của đơn vị hoặc các hình thức khác (nếu có) của quận/huyện/thị xã/thành phố...(3).... Có ...(6)... ý kiến của người dân về Danh sách nêu trên (nêu rõ ý kiến - nếu có).

Kết quả: ...% thành viên dự họp nhất trí đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận/huyện/thị xã/thành phố (3)... trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố ... (4)... ban hành quyết định tặng danh hiệu “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu” năm ..(2) cho các đơn vị có tên sau:

STT	Tên xã/phường/thị trấn	Thành tích

Cuộc họp kết thúc vào hồigiờphút, ngày ... tháng năm...

THƯ KÝ
(Ký, ghi rõ họ tên)

CHỦ TRÌ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- (1) Địa danh nơi đơn vị trình khen đóng trụ sở chính.
- (2) Năm đề nghị tặng danh hiệu “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu”.
- (3) Tên quận/huyện/thị xã/thành phố trực thuộc tỉnh/thành phố.
- (4) Tên tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương.
- (5) Địa điểm diễn ra cuộc họp.
- (6) Số lượng ý kiến người dân.

*** TTHC NỘI BỘ GIỮ NGUYÊN**

2. Xét, công nhận thành phố thuộc cấp tỉnh đạt chuẩn đô thị văn minh

2.1. Trình tự thực hiện:

- UBND thành phố thuộc cấp tỉnh tổ chức tự đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chí đạt chuẩn đô thị văn minh.

- UBND thành phố thuộc cấp tỉnh lập hồ sơ theo quy định tại Điều 12 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 04/2022/QĐ-TTg trình Chủ tịch UBND cấp tỉnh.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch UBND cấp tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định xét, công nhận thành phố thuộc cấp tỉnh đạt chuẩn đô thị văn minh (gọi tắt là Hội đồng).

- Thành viên của Hội đồng bao gồm:

+ Chủ tịch UBND cấp tỉnh hoặc Phó Chủ tịch UBND cấp Tỉnh là Chủ tịch Hội đồng;

+ Đại diện lãnh đạo Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, lãnh đạo Sở Xây dựng là Phó Chủ tịch Hội đồng;

+ Đại diện lãnh đạo Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, sở, ban, ngành có liên quan là thành viên Hội đồng.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày thành lập, Hội đồng tổ chức họp, thảo luận, bỏ phiếu xét, công nhận thành phố thuộc cấp tỉnh đạt chuẩn đô thị văn minh.

Cuộc họp chỉ được tiến hành khi có từ 70% trở lên số thành viên Hội đồng có mặt.

Cơ quan thường trực Hội đồng thuộc UBND cấp tỉnh hoàn thiện hồ sơ đề nghị xét, công nhận khi kết quả ý kiến nhất trí của các thành viên Hội đồng dự họp đạt từ 90% trở lên, trình Chủ tịch UBND cấp tỉnh xem xét, quyết định.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có kết quả thẩm định, Chủ tịch UBND cấp tỉnh ban hành quyết định công nhận quận, thị xã, thành phố thuộc cấp tỉnh đạt chuẩn đô thị văn minh. Trường hợp không công nhận phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

- Giấy công nhận thành phố thuộc cấp tỉnh đạt chuẩn đô thị văn minh thực hiện theo mẫu tại Phụ lục IV kèm theo Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 04/2022/QĐ-TTg.

2.2. Cách thức thực hiện: Không quy định.

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

Thành phố thuộc tỉnh nơi đề nghị công nhận đạt chuẩn đô thị văn minh lập hồ

sơ bao gồm:

- (1) Tờ trình đề nghị công nhận đạt chuẩn đô thị văn minh.
- (2) Báo cáo kết quả xây dựng đô thị văn minh.
- (3) Báo cáo của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố thuộc cấp tỉnh về kết quả lấy ý kiến hài lòng và đồng ý đề nghị công nhận đạt chuẩn đô thị văn minh của người dân.
- (4) Báo cáo của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố thuộc cấp tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội về kết quả tham gia xây dựng đô thị văn minh.
- (5) Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định.

b) Số lượng hồ sơ: Không quy định.

2.4. Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp không công nhận phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

2.5. Đối tượng thực hiện TTHC: UBND thành phố thuộc tỉnh.

2.6. Cơ quan giải quyết TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
- Cơ quan phối hợp thực hiện TTHC: Các sở, ban, ngành có liên quan của cấp tỉnh.

2.7. Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định và Giấy công nhận thành phố thuộc tỉnh đạt chuẩn đô thị văn minh.

2.8. Phí, lệ phí: Không quy định.

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu giấy công nhận, công nhận thành phố đạt chuẩn đô thị văn minh (Kèm theo Quy định tại Quyết định số 04/2022/QĐ-TTg ngày 18/02/2022.

của Thủ tướng Chính phủ)

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có):

1. Điều kiện xét công nhận thành phố thuộc tỉnh đạt chuẩn đô thị văn minh:
 - a) Có đăng ký thành phố thuộc cấp tỉnh đạt chuẩn đô thị văn minh với UBND dân cấp tỉnh.
 - b) Đạt các tiêu chí tại khoản 1 Điều 10 (nội dung đánh giá theo quy định tại Phụ lục II kèm theo Quy định tại Quyết định số 04/2022/QĐ-TTg).
 - c) Thời gian đăng ký: 02 năm, đối với công nhận lần đầu.
 - d) Có 100% phường, thị trấn trực thuộc được công nhận đạt chuẩn đô thị văn minh.
 - đ) Có 100% xã trực thuộc (nếu có) được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới.

2.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

Quyết định số 04/2022/QĐ-TTg ngày 18/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy định tiêu chí, trình tự, thủ tục xét công nhận đạt chuẩn đô thị văn minh. Có hiệu lực thi hành từ ngày 15/4/2022.

**MẪU GIẤY CÔNG NHẬN, CÔNG NHẬN THÀNH PHỐ
ĐẠT CHUẨN ĐÔ THỊ VĂN MINH**

*(Kèm theo Quy định tại Quyết định số 04/2022/QĐ-TTg ngày 18/02/2022
của Thủ tướng Chính phủ)*

(Quốc huy)1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

CÔNG NHẬN
“THÀNH PHỐ ĐẠT CHUẨN ĐÔ THỊ VĂN MINH”

Thành phố, tỉnh
Đã đạt “Thành phố đạt chuẩn đô thị văn minh” năm

Quyết định số:

..., ngày ... tháng ... năm ...

Vào Sổ số:

CHỦ TỊCH

.....

Ghi chú: (1): In hình Quốc huy.

3. Xét, công nhận lại thành phố thuộc cấp tỉnh đạt chuẩn đô thị văn minh

3.1. Trình tự thực hiện:

- UBND thành phố thuộc cấp tỉnh tổ chức tự đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chí đạt chuẩn đô thị văn minh.

- UBND thành phố thuộc cấp tỉnh lập hồ sơ theo quy định tại Điều 12 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 04/2022/QĐ-TTg trình Chủ tịch UBND cấp tỉnh.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch UBND cấp tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định xét, công nhận lại thành phố thuộc cấp tỉnh đạt chuẩn đô thị văn minh (gọi tắt là Hội đồng).

- Thành viên của Hội đồng bao gồm:

+ Chủ tịch UBND cấp tỉnh hoặc Phó Chủ tịch UBND cấp Tỉnh là Chủ tịch Hội đồng;

+ Đại diện lãnh đạo Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, lãnh đạo Sở Xây dựng là Phó Chủ tịch Hội đồng;

+ Đại diện lãnh đạo Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, sở, ban, ngành có liên quan là thành viên Hội đồng.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày thành lập, Hội đồng tổ chức họp, thảo luận, bỏ phiếu xét, công nhận lại thành phố thuộc cấp tỉnh đạt chuẩn đô thị văn minh.

Cuộc họp chỉ được tiến hành khi có từ 70% trở lên số thành viên Hội đồng có mặt.

Cơ quan thường trực Hội đồng thuộc UBND cấp tỉnh hoàn thiện hồ sơ đề nghị xét, công nhận lại khi kết quả ý kiến nhất trí của các thành viên Hội đồng dự họp đạt từ 90% trở lên, trình Chủ tịch UBND cấp tỉnh xem xét, quyết định.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có kết quả thẩm định, Chủ tịch UBND cấp tỉnh ban hành quyết định công nhận lại thành phố thuộc cấp tỉnh đạt chuẩn đô thị văn minh. Trường hợp không công nhận lại phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

- Giấy công nhận lại thành phố thuộc cấp tỉnh đạt chuẩn đô thị văn minh thực hiện theo mẫu tại Phụ lục IV kèm theo Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 04/2022/QĐ-TTg.

3.2. Cách thức thực hiện: Không quy định.

3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

Thành phố thuộc cấp tỉnh nơi đề nghị công nhận lại đạt chuẩn đô thị văn minh lập hồ sơ bao gồm:

(1) Tờ trình đề nghị công nhận lại đạt chuẩn đô thị văn minh.

(2) Báo cáo kết quả xây dựng đô thị văn minh.

(3) Báo cáo của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố thuộc cấp tỉnh về

kết quả lấy ý kiến hài lòng và đồng ý đề nghị công nhận lại đạt chuẩn đô thị văn minh của người dân.

(4) Báo cáo của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố thuộc cấp tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội về kết quả tham gia xây dựng đô thị văn minh.

(5) Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định.

b) Số lượng hồ sơ: Không quy định.

3.4. Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp không công nhận phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

3.5. Đối tượng thực hiện TTHC: UBND thành phố thuộc cấp tỉnh.

3.6. Cơ quan giải quyết TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp tỉnh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: UBND cấp tỉnh.
- Cơ quan phối hợp thực hiện TTHC: Các sở, ban, ngành có liên quan của cấp tỉnh.

3.7. Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định và Giấy công nhận lại thành phố thuộc cấp tỉnh đạt chuẩn đô thị văn minh.

3.8. Phí, lệ phí: Không quy định.

3.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu giấy công nhận, công nhận thành phố đạt chuẩn đô thị văn minh (Kèm theo Quy định tại Quyết định số 04/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

3.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có):

Điều kiện xét công nhận lại thành phố thuộc cấp tỉnh đạt chuẩn đô thị văn minh.

(1) Có đăng ký thành phố thuộc cấp tỉnh đạt chuẩn đô thị văn minh với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

(2) Đạt các tiêu chí tại khoản 1 Điều 10 (nội dung đánh giá theo quy định tại Phụ lục II kèm theo Quy định tại Quyết định số 04/2022/QĐ-TTg).

(3) Thời gian đăng ký: 05 năm, đối với công nhận lại.

(4) Có 100% phường, thị trấn trực thuộc được công nhận lại đạt chuẩn đô thị văn minh.

(5) Có 100% xã trực thuộc (nếu có) được công nhận lại đạt chuẩn nông thôn mới.

3.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

Quyết định số 04/2022/QĐ-TTg ngày 18/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy định tiêu chí, trình tự, thủ tục xét công nhận đạt chuẩn đô thị văn minh. Có hiệu lực thi hành từ ngày 15/4/2022.

**MẪU GIẤY CÔNG NHẬN, CÔNG NHẬN THÀNH PHỐ
ĐẠT CHUẨN ĐÔ THỊ VĂN MINH**

*(Kèm theo Quy định tại Quyết định số 04/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng 02 năm 2022
của Thủ tướng Chính phủ)*

(Quốc huy)¹

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

CÔNG NHẬN
“THÀNH PHỐ ĐẠT CHUẨN ĐÔ THỊ VĂN MINH”

Thành phố, tỉnh
Đã đạt “Thành phố đạt chuẩn đô thị văn minh” năm

Quyết định số:

..., ngày ... tháng ... năm ...

Vào Sổ số:

CHỦ TỊCH

.....

Ghi chú: (1): In hình Quốc huy

II. MỸ THUẬT, NHIỆP ẢNH VÀ TRIỂN LÃM

* TTHC NỘI BỘ GIỮ NGUYÊN

1. Phê duyệt quy hoạch tượng đài, tranh hoành tráng cấp tỉnh

1.1. Trình tự thực hiện:

- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch xây dựng, trình UBND cấp tỉnh phê duyệt quy hoạch tượng đài, tranh hoành tráng cấp tỉnh.

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, UBND cấp tỉnh phê duyệt quy hoạch.

- Trường hợp đặc biệt phải kéo dài thời gian phê duyệt quy hoạch thì trong thời hạn tối đa 30 ngày, UBND cấp tỉnh phê duyệt quy hoạch.

1.2. Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp tại Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (số 03, đường Phạm Hữu Lầu, phường 4, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp) hoặc thông qua phần mềm quản lý văn bản iDesk

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

(1) Tờ trình;

(2) Thuyết minh nội dung quy hoạch và dự thảo Quyết định phê duyệt quy hoạch;

(3) Bản sao ý kiến đồng ý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đối với quy hoạch tượng đài, tranh hoành tráng cấp tỉnh (Quy hoạch có nội dung cơ bản: Sự cần thiết lập quy hoạch; Căn cứ lập quy hoạch; Quan điểm và nguyên tắc; Mục tiêu quy hoạch; Các tiêu chí nội dung, nghệ thuật, kỹ thuật, kiến trúc, quy mô quy hoạch; Giải pháp thực hiện quy hoạch; Tổ chức thực hiện quy hoạch).

b) Số lượng hồ sơ: Không quy định.

1.4. Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, UBND cấp tỉnh phê duyệt quy hoạch.

- Trường hợp đặc biệt phải kéo dài thời gian phê duyệt quy hoạch thì trong thời hạn tối đa 30 ngày, UBND cấp tỉnh phê duyệt quy hoạch.

1.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

1.6. Cơ quan giải quyết TTHC:

Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp tỉnh.

Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: UBND cấp tỉnh.

Cơ quan phối hợp thực hiện TTHC: Không quy định.

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản phê duyệt quy hoạch của UBND cấp tỉnh.

1.8. Phí, lệ phí: Không quy định

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không quy định.

1.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02/10/2013 của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01/12/2013.

2. Điều chỉnh quy hoạch tượng đài, tranh hoành tráng cấp tỉnh

2.1. Trình tự thực hiện:

- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch xây dựng, trình UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tượng đài, tranh hoành tráng cấp tỉnh.

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh quy hoạch.

- Trường hợp đặc biệt phải kéo dài thời gian phê duyệt điều chỉnh quy hoạch thì trong thời hạn tối đa 30 ngày, UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh quy hoạch.

2.2. Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp tại Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (số 03, đường Phạm Hữu Lầu, phường 4, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp) hoặc thông qua phần mềm quản lý văn bản iDesk.

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

(1) Tờ trình;

(2) Đề cương đề án công trình bao gồm: Sự cần thiết phải điều chỉnh quy hoạch, nội dung tượng đài, tranh hoành tráng, địa điểm xây dựng, dự kiến quy mô, chất liệu, hình thức đầu tư, dự kiến tổng mức đầu tư, nguồn vốn và thời gian thực hiện.

b) Số lượng hồ sơ: Không quy định.

2.4. Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh quy hoạch.

Trường hợp đặc biệt phải kéo dài thời gian phê duyệt điều chỉnh quy hoạch thì trong thời hạn tối đa 30 ngày, UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh quy hoạch.

2.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

2.6. Cơ quan giải quyết TTHC:

Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh.

Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: UBND tỉnh.

Cơ quan phối hợp thực hiện TTHC: Không quy định.

2.7. Kết quả thực hiện TTHC: Văn bản phê duyệt điều chỉnh quy hoạch của UBND cấp tỉnh.

2.8. Phí, lệ phí: Không quy định.

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

2.10. Yêu cầu, điều kiện: Không quy định.

2.11. Căn cứ pháp lý:

Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02/10/2013 của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01/12/2013.

III. DI SẢN VĂN HÓA

* TTHC NỘI BỘ MỚI BAN HÀNH

1. Kiểm kê di tích

1.1. Trình tự thực hiện:

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương kiểm tra, rà soát di tích trình UBND Tỉnh ban hành quyết định phê duyệt, công bố hoặc điều chỉnh, bổ sung danh mục kiểm kê di tích.

1.2. Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp tại Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (số 03, đường Phạm Hữu Lầu, phường 4, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp) hoặc thông qua phần mềm quản lý văn bản iDesk

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ: Tờ trình; báo cáo kết quả kiểm kê, phiếu kiểm kê, danh mục kiểm kê, bản ghi âm, ghi hình, ảnh chụp, sơ đồ, bản đồ, bản vẽ, nhật ký kiểm kê.

1.4. Thời hạn giải quyết: Không quy định.

1.5. Đối tượng thực hiện: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, UBND cấp huyện, UBND cấp xã, Ban quản lý di tích cấp huyện, xã, chủ sở hữu di tích và các cá nhân có liên quan.

1.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh Đồng Tháp.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định.

1.8. Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

1.10. Yêu cầu, điều kiện (nếu có): Di tích lịch sử - văn hóa phải có một trong các tiêu chí sau đây:

- Công trình xây dựng, địa điểm gắn với sự kiện lịch sử, văn hóa tiêu biểu của quốc gia hoặc của địa phương;
- Công trình xây dựng, địa điểm gắn với thân thế và sự nghiệp của anh hùng dân tộc, danh nhân, nhân vật lịch sử có ảnh hưởng tích cực đến sự phát triển của quốc gia hoặc của địa phương trong các thời kỳ lịch sử;
- Địa điểm khảo cổ có giá trị tiêu biểu;
- Công trình kiến trúc, nghệ thuật, quần thể kiến trúc, tổng thể kiến trúc đô thị và địa điểm cư trú có giá trị tiêu biểu cho một hoặc nhiều giai đoạn phát triển kiến trúc, nghệ thuật.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Di sản văn hoá ngày 29/6/2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật Di sản văn hóa ngày 18/6/2009;

- Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật di sản văn hoá và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hoá.

- Quyết định số 1971/QĐ-UBND-HC ngày 29/12/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp phê duyệt Danh mục kiểm kê di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2021 - 2025.

*** TTHC NỘI BỘ THAY THẾ**

2. Phê duyệt danh mục tên đường, phố và công trình công cộng

2.1. Trình tự thực hiện:

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp các địa phương rà soát, lập danh mục tên đường, phố và công trình công cộng cần bổ sung;

Tổ chức lấy ý kiến thành viên Hội đồng tư vấn Tỉnh, tổng hợp hoàn chỉnh trình Chủ tịch Hội đồng tư vấn Tỉnh xem xét, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh quyết định.

Đối với hồ sơ chưa đủ điều kiện giải quyết, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trả lại hồ sơ kèm theo thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do, nội dung cần bổ sung.

2.2. Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp tại Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (số 03, đường Phạm Hữu Lầu, phường 4, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp) hoặc thông qua phần mềm quản lý văn bản iDesk.

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Công văn/Tờ trình của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Danh sách tuyến đường, công trình công cộng đề nghị đặt, đổi tên mới.
- Tiểu sử sự kiện lịch sử dự kiến đặt, đổi tên đường, công trình công cộng.
- Các văn bản có liên quan về việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

2.4. Thời hạn giải quyết: Không quy định.

2.5. Đối tượng thực hiện: Các sở, ngành, địa phương liên quan.

2.6. Cơ quan giải quyết:

- Cơ quan thực hiện: UBND Tỉnh, Sở, ban ngành Tỉnh, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (cơ quan Hội đồng tư vấn đặt, đổi tên đường và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp).

- Cơ quan quyết định: Chủ tịch Hội đồng nhân dân Tỉnh.

2.7. Kết quả thực hiện: Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Tỉnh.

2.8. Tên mẫu đơn, tờ khai: Không quy định.

2.9. Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

2.10. Yêu cầu, điều kiện:

- Tên danh nhân được chọn phải là người tiêu biểu trong những người nổi tiếng, có đức, có tài, có nhiều đóng góp to lớn trong quá trình xây dựng và bảo vệ quê hương, đất nước.

- Tên địa danh được chọn phải là những địa danh nổi tiếng, có ý nghĩa và giá trị tiêu biểu về lịch sử, văn hoá của đất nước hoặc địa phương; địa danh đã quen dùng từ xa xưa và đã ăn sâu vào tiềm thức của nhân dân hoặc tên địa phương kết nghĩa có mối quan hệ đặc biệt.

- Tên di tích lịch sử văn hoá; tên danh lam, thắng cảnh được chọn phải là những di tích, danh thắng tiêu biểu, quen thuộc với nhân dân và đã được công nhận xếp hạng theo quy định của pháp luật về di sản văn hoá.

- Tên các sự kiện lịch sử, phong trào cách mạng và những chiến thắng chống xâm lược phải là những sự kiện lịch sử, phong trào cách mạng và những chiến thắng chống xâm lược tiêu biểu đã được ghi nhận trong lịch sử và ăn sâu vào tiềm thức của nhân dân.

- Nên lựa chọn tên các danh nhân được sinh ra tại Đồng Tháp hoặc là người địa phương khác có cuộc đời sự nghiệp gắn bó với tỉnh Đồng Tháp, những địa danh, sự kiện lịch sử của tỉnh để chọn đặt tên cho đường và công trình công cộng.

- Tên danh nhân bao gồm cả danh nhân nước ngoài. Danh nhân đó phải là người nổi tiếng, có đức, có tài, có đóng góp to lớn cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc cũng như của địa phương hoặc có đóng góp đặc biệt cho đất nước, có công lớn trong hoạt động văn hóa, nghệ thuật, khoa học, kỹ thuật, phát triển tình hữu nghị giữa các dân tộc, được nhân dân suy tôn và thừa nhận.

2.11. Căn cứ pháp lý:

- Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ về việc ban hành quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng.

- Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT ngày 20/3/2006 của Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) hướng dẫn thực hiện một số điều của Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng ban hành kèm theo Nghị định số 91/2005/NĐ-CP của Chính phủ.

- Quyết định số 27/2015/QĐ-UBND ngày 12/3/2015 của Ủy ban nhân dân Tỉnh ban hành Quy chế đặt tên, đổi tên đường và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

- Quyết định số 116/QĐ-UBND.TL ngày 13/7/2021 của Ủy ban nhân dân Tỉnh về việc thành lập Hội đồng tư vấn đặt tên, đổi tên đường và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

- Quyết định số 163/QĐ-HĐTV ngày 01/9/2021 của Hội đồng tư vấn đặt tên, đổi tên đường và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp về việc thành lập Tổ giúp việc Hội đồng.

- Quyết định số 1452/QĐ-HĐTV ngày 23/9/2021 của Hội đồng tư vấn đặt tên, đổi tên đường và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp về việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng tư vấn đặt tên, đổi tên đường và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

- Quyết định số 482/QĐ-UBND.HC ngày 11/5/2022 của Ủy ban nhân dân Tỉnh về việc ban hành Ngân hàng tên đường và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

- Quyết định số 1367/QĐ-UBND.HC ngày 13/12/2022 của Ủy ban nhân dân Tỉnh về việc bổ sung danh mục Ngân hàng tên đường và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp năm 2022.

- Quyết định số 177/QĐ-UBND-HC ngày 05/3/2024 của UBND Tỉnh về việc bổ sung Danh mục Ngân hàng tên đường và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp năm 2023.

3. Đặt mới, đổi tên đường phố và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh

3.1. Trình tự thực hiện:

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét thẩm định hồ sơ; Tổ giúp việc Hội đồng thẩm định, biểu quyết thông qua hồ sơ trình Hội đồng tư vấn Tỉnh; Hội đồng tư vấn Tỉnh họp thông qua hồ sơ; trình Hội đồng nhân dân Tỉnh xem xét, quyết định (thông qua tại kỳ họp Hội đồng nhân dân Tỉnh)

Đối với hồ sơ chưa đủ điều kiện giải quyết, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trả lại hồ sơ kèm theo thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do, nội dung cần bổ sung

3.2. Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp tại Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (số 03, đường Phạm Hữu Lầu, phường 4, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp) hoặc thông qua phần mềm quản lý văn bản iDesk

3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Công văn/Tờ trình của UBND huyện, thành phố;
- Danh sách tuyến đường, công trình công cộng đề nghị đặt, đổi tên mới.
- Tiểu sử sự kiện lịch sử dự kiến đặt, đổi tên đường, công trình công cộng.
- Sơ đồ, vị trí tuyến đường, công trình công cộng đề nghị đặt, đổi tên mới.
- Các văn bản có liên quan về việc lấy ý kiến (các Hội, Đoàn thể).
- Công văn của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trình Hội đồng tư vấn.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

3.4. Thời hạn giải quyết: Không quy định.

3.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Các sở, ngành, địa phương liên quan.

3.6. Cơ quan giải quyết TTHC:

- Cơ quan thực hiện: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (*cơ quan Hội đồng tư vấn đặt, đổi tên đường và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp*).

- Cơ quan quyết định: UBND Tỉnh.

3.7. Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định của Chủ tịch UBND Tỉnh.

3.8. Tên mẫu đơn, tờ khai: Không quy định.

3.9. Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

3.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: là sự kiện, nhân vật lịch sử, danh nhân văn hóa có công với quê hương, đất nước ...

3.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ về việc ban hành quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng.

- Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT ngày 20/3/2006 của Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) hướng dẫn thực hiện một số điều của Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng ban hành kèm theo Nghị định số 91/2005/NĐ-CP của Chính phủ.

- Quyết định số 27/2015/QĐ-UBND ngày 12/3/2015 của UBND Tỉnh ban hành Quy chế đặt tên, đổi tên đường và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

- Quyết định số 116/QĐ-UBND.TL ngày 13/7/2021 của UBND Tỉnh về việc thành lập Hội đồng tư vấn đặt tên, đổi tên đường và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

- Quyết định số 163/QĐ-HĐTV ngày 01/9/2021 của Hội đồng tư vấn đặt tên, đổi tên đường và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp về việc thành lập Tổ giúp việc Hội đồng.

- Quyết định số 1452/QĐ-HĐTV ngày 23/9/2021 của Hội đồng tư vấn đặt tên, đổi tên đường và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp về việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng tư vấn đặt tên, đổi tên đường và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

- Quyết định số 482/QĐ-UBND.HC ngày 11/5/2022 của UBND Tỉnh về việc ban hành Ngân hàng tên đường và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

- Quyết định số 1367/QĐ-UBND.HC ngày 13/12/2022 của UBND Tỉnh về việc bổ sung danh mục Ngân hàng tên đường và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp năm 2022.

- Quyết định số 177/QĐ-UBND-HC ngày 05/3/2024 của UBND Tỉnh về việc bổ sung Danh mục Ngân hàng tên đường và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp năm 2023.

*** TTHC NỘI BỘ GIỮ NGUYÊN**

4. Hồ sơ thoả thuận bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích cấp Tỉnh

4.1. Trình tự thực hiện:

Chủ đầu tư dự án tu bổ di tích gửi văn bản đề nghị kèm theo 01 (một) bộ hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích cấp tỉnh bằng cách nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch giao phòng chuyên môn xem xét, thẩm định trước khi ban hành văn bản thỏa thuận; Đối với hồ sơ chưa đủ điều kiện giải quyết, sẽ trả lại hồ sơ kèm theo thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do, nội dung cần bổ sung.

4.2. Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp tại Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (số 03, đường Phạm Hữu Lầu, phường 4, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp) hoặc thông qua phần mềm quản lý văn bản iDesk

4.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình đề nghị thẩm định dự án tu bổ di tích, báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 166/2018/NĐ-CP ngày 25/12/2018 của Chính phủ Quy định thẩm quyền, trình tự thủ tục lập thẩm định, phê duyệt quy hoạch dự án bảo quản, tu bổ phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh hoặc văn bản đề nghị phê duyệt dự án tu bổ di tích, báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

- Thuyết minh dự án tu bổ di tích, bộ ảnh màu và thiết kế cơ sở hoặc thuyết minh báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích, bộ ảnh màu và thiết kế bản vẽ thi công.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4.4. Thời hạn giải quyết: 20 (hai mươi) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị kèm theo hồ sơ hợp lệ.

4.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Các sở, ngành, địa phương liên quan.

4.6. Cơ quan giải quyết TTHC:

- Cơ quan thực hiện: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

4.7. Kết quả thực hiện TTHC: Văn bản thoả thuận bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích cấp Tỉnh.

4.8. Tên mẫu đơn, tờ khai: Không quy định.

4.9. Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

4.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: là những di tích lịch sử đã được UBND Tỉnh xếp hạng; nằm trong danh mục kiểm kê di tích lịch sử - văn hoá và danh lam thắng cảnh.

4.11. Căn cứ pháp lý:

- Quyết định số 07/2022/QĐ-UBND ngày 06/5/2022 của UBND tỉnh Đồng Tháp ban hành Quy chế quản lý di sản văn hóa trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

- Căn cứ Luật Di sản văn hóa ngày 29/6/2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa ngày 18/6/2009.

- Căn cứ Nghị định số 166/2018/NĐ-CP ngày 25/12/2018 của Chính phủ, về việc quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh;

- Thông tư 15/2019/TT-BVHTTDL ngày 31/12/2019 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành.

5. Hồ sơ đề nghị lập hồ sơ khoa học đề nghị xếp hạng di tích lịch sử - văn hóa cấp Tỉnh

5.1. Trình tự thực hiện:

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch giao phòng chuyên môn xem xét, thẩm định trình Chủ tịch UBND Tỉnh xem xét ban hành quyết định; Đối với hồ sơ chưa đủ điều kiện giải quyết, sẽ trả lại hồ sơ kèm theo thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do, nội dung cần bổ sung.

5.2. Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp tại Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (số 03, đường Phạm Hữu Lầu, phường 4, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp) hoặc thông qua phần mềm quản lý văn bản iDesk.

5.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

(1) Quyết định phê duyệt danh mục kiểm kê di tích lịch sử văn hóa và danh lam thắng cảnh giai đoạn (2021 - 2025);

(2) Công văn đề nghị lập hồ sơ khoa học đề nghị xếp hạng di tích lịch sử - văn hóa cấp Tỉnh của địa phương (huyện, thành phố);

(3) Đơn xin xếp hạng di tích (của Ban tế tự đình, đền miếu,...); Lược sử di tích; trích lục giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có liên quan đến di tích;

(4) Bộ hồ sơ hoàn chỉnh:

+ Tờ trình đề nghị xếp hạng di tích (Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trình UBND Tỉnh);

+ Lý lịch di tích;

+ Tập ảnh khảo tả hiện vật;

+ Tập khảo tả di tích;

+ Bản vẽ hiện trạng di tích;

+ Bảng thống kê hiện vật;

+ Biên bản và bản đồ khoan vùng bảo vệ di tích;

+ Công văn giải trình không có khu vực bảo vệ II (nếu di tích chỉ có khu vực bảo vệ I).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

5.4. Thời hạn giải quyết: Không quy định.

5.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Các sở, ngành, địa phương liên quan.

5.6. Cơ quan giải quyết TTHC:

- Cơ quan thực hiện: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
- Cơ quan quyết định: UBND Tỉnh.

5.7. Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định xếp hạng di tích và bằng xếp hạng di tích cấp tỉnh.

5.8. Tên mẫu đơn, tờ khai: Không quy định.

5.9. Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

5.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện: là những di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh nằm trong danh mục kiểm kê.

5.11. Căn cứ pháp lý:

- Căn cứ Luật Di sản văn hoá ngày 29/6/2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hoá ngày 18/6/2009;

- Căn cứ Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hoá và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hoá;

- Căn cứ Thông tư số 09/2011/TT-BVHTTDL ngày 14/7/2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về việc về nội dung hồ sơ khoa học để xếp hạng di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh.

- Căn cứ Thông tư số 18/2022/TT-BVHTTDL ngày 28/12/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2011/TT-BVHTTDL ngày 14/7/2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về việc về nội dung hồ sơ khoa học để xếp hạng di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh.

- Căn cứ Quyết định số 07/2022/QĐ-UBND ngày 06/5/2022 của UBND tỉnh Đồng Tháp ban hành Quy chế quản lý di sản văn hóa trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

- Quyết định số 1971/QĐ-UBND -HC ngày 29/12/2021 của UBND Tỉnh về việc phê duyệt Danh mục kiểm kê di tích lịch sử - văn hóa và Danh lam thắng cảnh trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2021 – 2025.

6. Kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể

6.1. Trình tự thực hiện:

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch giao phòng chuyên môn xem xét, thẩm định trình UBND Tỉnh cho ý kiến trước khi ban hành quyết định; Đối với hồ sơ chưa đủ điều kiện giải quyết, sẽ trả lại hồ sơ kèm theo thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do, nội dung cần bổ sung

6.2. Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp tại Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (số 03, đường Phạm Hữu Lầu, phường 4, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp) hoặc thông qua phần mềm quản lý văn bản iDesk.

6.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Công văn/Tờ trình của UBND huyện, thành phố;
- Tóm tắt lược sử về di sản văn hóa phi vật thể;
- Kế hoạch của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Phiếu kiểm kê;
- Danh mục kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể;
- Băng ghi âm, ghi hình, ảnh, sơ đồ, bản đồ, bản vẽ;
- Nhật ký khảo sát điền dã và các tài liệu khác có liên quan.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

6.4. Thời hạn giải quyết: Không quy định.

6.5. Đối tượng thực hiện: Các sở, ngành, địa phương liên quan.

6.6. Cơ quan giải quyết:

- Cơ quan thực hiện: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

6.7. Kết quả thực hiện: Quyết định của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

6.8. Tên mẫu đơn, tờ khai: Không quy định.

6.9. Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

6.10. Yêu cầu, điều kiện:

6.11. Căn cứ pháp lý:

- Căn cứ Luật Di sản văn hoá ngày 29/6/2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hoá ngày 18/6/2009.

- Căn cứ Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hoá và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hoá.

- Căn cứ Thông tư số 04/2010/TT-BVHTTDL ngày 30/6/2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về việc kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể và lập hồ sơ khoa học di sản văn hóa phi vật thể để đưa vào danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia.

- Căn cứ Quyết định số 07/2022/QĐ-UBND ngày 06/5/2022 của UBND tỉnh Đồng Tháp ban hành Quy chế quản lý di sản văn hóa trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.